

Số: 2258/TB-TTr

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 Đơn vị được thông báo: Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận Mã chương: 414

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 25/04/2022 giữa Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận và Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;

Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 của Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận sản như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 426.710.000 đồng

Trong đó: Thu phí, lệ phí : 426.710.000 đồng

- Số nộp ngân sách nhà nước: 201.273.800 đồng

- Số phí được khấu trừ, để lại: 2.570.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:

- Nguồn cải cách tiền lương: 1.003.011 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 448.275.243 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 6.119.383.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 4.996.469.470 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 879.300.530 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 4.971.130.445 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 4.971.130.445 đồng;

- Kinh phí bị hủy: 1.122.913.530 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:
473.614.268 đồng,

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính.

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

- Đối với chi ngân sách nhà nước năm 2021 giao Văn phòng Sở Tư pháp thực hiện đúng các khoản chi theo nhiệm vụ được giao.

Thuyết minh tăng so với dự toán nguồn Ngân sách nhà nước

SỐ TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thuyết minh tăng giảm so với dự toán
A	B	1	2	3
A	B	1	2	3
II.1	Chi đặc thù ngoài định mức (1)	250.000.000	233.359.050	
1.1	Thanh toán dịch vụ công cộng	15.690.000	11.698.000	
	Nhiên liệu Công tác trong và ngoài tỉnh bình quân 1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000.000	11.248.000	
	Rửa xe trong năm 20 lần x 80.000đ/lần	1.600.000	450.000	
	Phí cầu đường 1 năm	2.090.000	1.500.000	
1.2	Vật tư văn phòng	143.400.000	67.518.100	
	- Giấy photo: 120 thùng x 450.000đ/thùng = 54.000.000đ '- Mực photo : 12 ống x 1.800.000đ/ống = 21.600.000đ '- Mực máy in vi tính: 24 ống mới x 700.000đ/ống = 16.800.000đ '- Mực vi tính bơm 90 lượt bơm x 100.000đ/lần bơm = 9.000.000đ '- Văn phòng phẩm phục vụ cho nghiệp vụ '- 5 phòng x 1.500.000đ/quý/phòng x 4 quý = 30.000.000đ	131.400.000	67.518.100	
	Công cụ, Dụng cụ văn phòng 1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000.000		
1.3	Thông tin tuyên truyền	46.260.000	45.606.689	
	Cước phí bưu chính bình quân 3.000.000đ/tháng x 12 tháng	36.000.000	31.530.539	
	Cước phí Internet, thư viện điện tử 855.000đ/tháng x 12 tháng	10.260.000	9.660.350	
1.4	Hội nghị	39.650.000		

	In, mua tài liệu tuyên truyền cho Xã, Phường, Thị trấn: 65 x 105.000đ/bộ/đợt x 2đợt = 13.650.000đ	13.650.000	1.800.000	
	Báo cáo viên	12.000.000	18.800.000	
	Các khoản thuê mướn khác cắt dán khẩu liệu Băng rôn, Hội trường	10.000.000		
	Các khoản khác thuê quét dọn hội trường, vệ sinh	4.000.000		
1.5	Công tác phí	84.000.000	91.368.800	
	Vé máy bay, tàu xe (công tác Hà Nội, Tp HCM tập huấn theo GM của Bộ Tư pháp)	30.000.000	91.368.800	
	Phụ cấp công tác phí trong tỉnh cho việc thanh, kiểm tra các loại nghiệp vụ như: Quản lý Hộ tịch, Công tác chứng thực, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Luật sư, Quản lý xử lý vi phạm hành chính ...;	24.000.000		
	Phụ cấp công tác phí ngoài tỉnh như: Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh theo Giấy mời của BTP	15.000.000		
	Tiền phòng ngủ công tác ngoài tỉnh	15.000.000		
1.6	Sửa chữa tài sản	200.000.000	194.520.485	
	Máy tính, máy in và thiết bị tin học của các phòng nghiệp vụ	24.000.000	6.200.000	
	Máy photocopy photo tài liệu nghiệp vụ, tuyên truyền...	12.000.000	9.450.000	
2.	Nghiệp vụ chuyên môn từng lĩnh vực của ngành: Quyết định số 03/2013 QĐ- UBND ngày 21/01/2013; Quyết định số 69/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 ngày 18/8/2017; Thông tư Liên tịch số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính)	795.000.000	903.234.000	
2.1	Thanh toán với bên ngoài: '- Hợp đồng với Nhà Xuất bản Tư pháp mua mẫu Hộ tịch Giấy Khai sinh, Khai tử, Kết hôn bản chính và các loại cấp phát miễn phí cho cơ sở: 126.300.000đ	100.000.000	754.238.000	
2.2	Thanh toán nội bộ phần nghiệp vụ - Công tác góp ý văn bản : 90 văn bản x 200.000đ/vb = 18.000.000đ - Công tác thẩm định văn bản : 220 văn bản x 1.200.000đ/vb = 264.000.000đ - Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa Văn bản :	695.000.000		

	<p>45.000.000đ</p> <p>Bao gồm : + Tự kiểm tra VB của UBND tỉnh : 20.000.000đ</p> <p>+ Kiểm tra VB của 7 huyện</p> <p>Thành phố : 25.000.000đ</p> <p>- Rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ban ngành và các lĩnh vực: 26.000.000đ</p> <p>- Xây dựng Văn bản lĩnh vực PL phục vụ nghiệp vụ: 45.000.000đ</p> <p>'- Công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp : 30.000.000đ</p> <p>'- Kiểm soát thủ tục Hành chính: 1.500.000đ/tháng x 12 tháng = 18.000.000đ</p> <p>'- Công tác PBGDPL: 60.000.000đ</p> <p>'-Quản lý, Xử lý vi phạm Hành chính 24.000.000đ</p> <p>' Thanh tra : 15.000.000đ</p> <p>'- Công tác Bổ trợ Tư pháp : 150.000.000đ</p>			
2.3	<p>Hoạt động Hội đồng PBGDPL của tỉnh</p> <p>+ Thưởng thương xuyên cho các đơn vị của Hội đồng PBGDPL</p> <p>'- Cá nhân : 10 người x (0,3 x 1.490.000đ) = 4.470.000đ</p> <p>'- Tập thể : 10 tập thể x (0,8 x 1.490.000đ) = 11.920.000đ</p> <p>Soạn thảo văn bản : 14.700.000đ</p> <p>Hội thảo các phiên họp : 40.000.000đ</p> <p>Xây dựng, viết báo cáo CT kế hoạch hoạt động của Hội đồng tỉnh : 14.700.000đ</p> <p>Tập huấn nghiệp vụ : 11.600.000đ</p> <p>Tọa đàm Ngày Pháp Luật và tuyên truyền PBGDPL tại các trường: 15.000.000đ</p> <p>Phối hợp Đài PTTH , Báo Ninh Thuận : 90.000.000đ</p> <p>Hai Hội thi tìm hiểu PL ... : 120.000.000đ</p> <p>Chuẩn tiếp cận Pháp luật : 15.000.000đ</p> <p>Giấy mực photo, vi tính công tác của HĐPBGDPL : 22.610.000đ</p>	360.000.000	173.159.500	
2.4	Kinh phí Phòng cháy chữa cháy	20.000.000	20.000.000	
2.5	Kinh phí Chương trình mục tiêu	10.000.000	9.668.000	
2.6	Cải cách tiền lương (Kinh phí Đặc thù)	170.000.000		
3	Kinh phí Đảng	58.180.000	58.180.000	

	Phụ cấp 9 Đảng ủy viên và 1 kế toán (2,8 x 1.390.000đ x 6 tháng) = 23.352.000đ Phụ cấp 9 Đảng ủy viên và 1 kế toán (2,8 x 1.490.000đ x 6 tháng) = 25.032.000đ	48.384.000	48.384.000	
	Mua báo chí và các tài liệu tuyên truyền và những khoản khác phục vụ công tác của Đảng ủy	4.000.000	4.000.000	
	Khen thưởng của Đảng ủy cho các tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong hoạt động của Đảng	5.796.000	5.796.000	
4	Quyết định số 2173/QĐ -BTP ngày 11/12/2015 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt đề án " Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc" ; Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn số hoá Sổ hộ tịch	9.141.829.158	0	
	Tổng Cộng	10.750.009.158	1.551.936.886	

- Đối với khoản thu phí, lệ phí: Văn phòng Sở Tư pháp thực hiện đúng chế độ thu -nộp- trích để lại sử dụng theo quy định.

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 389.404.444 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 776.000 đồng
(Số liệu chi tiết theo Mẫu theo Mẫu biểu 1b ban hành kèm theo Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính).

IV. Nhận xét và kiến nghị:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đúng thời gian
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đầy đủ
- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I).
- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT.



